| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG RIỀNG**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 02- 2019
V/v: "*Tranh chấp xin ly hôn"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Dương Văn Hôm

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Bà Trần Ngọc Điệp

***- Thư ký phiên toà***: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2018/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05A/2018/QĐXX–ST, ngày 28 tháng 01 năm 2019. Giữa:

*1. Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Bé Th, sinh năm: 1993; địa chỉ cư trú: Khu phố 3, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1990; địa chỉ cư trú: Khu phố Vĩnh Phước, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bé Th trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Th tự tìm hiểu quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân vào năm 2012. Có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang ngày 18/8/2017.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, bất đồng quan điểm thường xuyên cải vả nhau, anh Thi cọc cằn thô lỗ và nhiều lần xúc phạm chị. Chị và anh Thi đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và anh Th không có con chung

Về tài sản, nợ chung: Không có.

Nay chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Th đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh Th đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Th vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại khu phố Vĩnh Phước, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 19/02/2019. Xét thấy, sự vắng mặt của chị Th và anh Th không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Th, anh Th là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 01 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th và anh Th kết hôn vào năm 2012 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/8/2017 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Th yêu cầu được ly hôn với anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Th xác định chị và anh Th không có con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Th xác định không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị Th yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007353 ngày 21/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 01 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Bé Th và anh Nguyễn Văn Th.

**2. Về con chung, tài sản và nợ chung**: Không có.

**3. Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn chị Th phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí số 0007353 ngày 21/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Dương Văn Hôm**